

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 66/2021/DS-ST

Ngày: 03-11-2021

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Văn Cương.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt;**

2. Ông **Tổng Đức Hưởng.**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2021/TLST - DS, ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

*-Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Tú T**, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của chị Huỳnh Thị Tú T:* Bà **Đỗ Thị M**, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/3/2021 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*-Bị đơn:* Anh **Trần Tuấn T**, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ C, ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 15/3/2021, Đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 20/4/2021 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/5/2021 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tú T và Người đại diện hợp pháp của chị Huỳnh Thị Tú T là bà Đỗ Thị M trình bày:*

Do là bạn bè thân thiết nên vào ngày 22/9/2018 chị có cho anh T vay số tiền 185.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Tính đến ngày 23/4/2019 anh T có trả cho chị được 6.000.000 đồng tiền lãi, anh T chưa trả tiền gốc. Trong số tiền 185.000.000 đồng mà chị cho anh T vay thì có 100.000.000 đồng chị vay của em trai nên vào ngày 23/4/2019 chị vay của Dì để trả cho em trai. Do đó, ngày 23/4/2019 mới viết giấy thế chấp vay 100.000.000 đồng và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Trần Tuấn T ngày 25/01/2019 (thửa đất số 109, tờ bản đồ số 88), đất tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây cho dễ nhớ. Anh T hẹn đến ngày 23/4/2020 sẽ trả cho chị, nhưng đến nay anh T chưa trả cho chị được số tiền nào. Cũng trong ngày 23/4/2019 sau khi viết giấy thế chấp xong thì chị có cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng nhưng không làm giấy, khi vay không thỏa thuận lãi suất.

Nay khởi kiện chị yêu cầu anh T trả 195.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng được tính như sau: Đối với số tiền 185.000.000 đồng vay ngày 22/9/2018 thì trong đó 85.000.000 đồng, chị T yêu cầu tính lãi suất từ ngày 22/9/2018 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, còn 100.000.000 đồng chị T yêu cầu tính lãi từ ngày 23/4/2019 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm; đối với số tiền 10.000.000 đồng thì chị T không yêu cầu tính lãi. Sau khi anh T trả đủ tiền cho chị thì chị sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

*Bị đơn anh Trần Tuấn T trình bày:*

Anh thừa nhận vào ngày 22/9/2018 anh có vay của chị T số tiền 185.000.000 đồng, khi vay không thỏa thuận lãi suất, tính đến ngày 23/4/2019 thì anh đã trả cho chị T được số tiền 85.000.000 đồng, các lần trả tiền anh không làm giấy. Chị T có trình bày cho anh biết trong số tiền 185.000.000 đồng thì có 100.000.000 đồng chị T vay của em trai nên ngày 23/4/2019 mới viết lại giấy thế chấp để chị T vay của Dì trả lại cho em trai, do đó, mới viết giấy thế chấp vay 100.000.000 đồng để trả cho khoản vay 185.000.000 đồng cho dễ nhớ chứ thực chất anh không nhận số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi viết giấy thế chấp vay 100.000.000 đồng thì có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh đứng tên, do tin tưởng nên anh không lấy lại Giấy vay tiền ngày 22/9/2018. Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2021 anh trình bày có vay của chị T vào ngày 23/4/2019 thì do anh nhớ nhầm chứ thực chất anh không vay của chị T số tiền này.

Nay anh chỉ đồng ý trả cho chị T 100.000.000 đồng tiền gốc, anh không đồng ý trả tiền lãi và anh yêu cầu chị T trả lại cho anh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

*Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Tú T; buộc anh Trần Tuấn T có nghĩa vụ trả lại cho chị T 195.000.000 đồng tiền gốc và 45.589.500 đồng tiền lãi, tổng cộng là 240.589.500 đồng.

+ Buộc anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; hoàn trả cho chị T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tú T vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà M. Bà M vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị T và bà M.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị T yêu cầu Tòa án buộc anh T có nghĩa vụ trả cho chị số tiền gốc là 195.000.000 đồng và 45.589.500 đồng tiền lãi, tổng cộng là 240.589.500. Phía anh T chỉ đồng ý trả cho chị T số tiền **100.000.000 đồng** và không đồng ý trả tiền lãi.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền gốc của chị Trinh thấy rằng:

[2.1.1] Anh T thừa nhận “Giấy nhận nợ đề ngày 22/9/2018” vay số tiền 185.000.000 đồng và “Giấy thế chấp đề ngày 23/4/2019” vay 100.000.000 đồng do anh ký tên nên Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật. Do đó, có đủ căn cứ xác định anh T có vay của chị T số tiền trên là có thật.

[2.1.2] Phía anh T cho rằng đã trả cho chị T được 85.000.000 đồng và chỉ còn nợ lại chị T 100.000.000 đồng nên ngày 23/4/2019 mới viết giấy thế chấp vay 100.000.000 đồng. Theo anh T mục đích viết giấy thế chấp vay 100.000.000 đồng để trả cho khoản vay ngày 22/9/2018 chứ anh T không nhận số tiền này. Tuy nhiên, anh T không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc anh đã trả cho chị T được 85.000.000 đồng, trong khi đó anh T lại thừa nhận giấy thế chấp vay 100.000.000 đồng để trả cho

khoản vay 185.000.000 đồng. Phía chị T không thừa nhận anh T đã trả tiền cho chị T; chị T xác định trong số tiền 185.000.000 đồng mà anh T vay ngày 22/9/2018, có 100.000.000 đồng vay của em trai; chị phải vay của Dì trả cho em trai để cho dễ nhớ và nhận thế chấp sổ đỏ nên mới làm giấy thế chấp ngày 23/4/2019 và giấy nợ ngày 22/9/2018 chị T vẫn đang giữ nên lời trình bày của anh T không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy có đủ cơ sở xác định cả 02 giấy trên thể hiện anh T chỉ vay chị T số tiền 185.000.000 đồng. Anh T không chứng minh được việc đã trả 85.000.000 đồng nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc anh T trả lại cho chị T số tiền 185.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2.1.3] Đối với số tiền 10.000.000 đồng, chị T cho anh T vay vào ngày 23/4/2019, khi vay không làm giấy. Tại phiên tòa, anh T thừa nhận có vay của chị T số tiền này, anh T cho rằng anh đã trả xong cho chị T. Tuy nhiên, anh T không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc anh đã trả cho chị T số tiền này và chị T cũng không thừa nhận. Do đó, cần buộc anh T trả lại cho chị T số tiền 10.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự; ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi, thấy rằng: Tại phiên tòa anh T thừa nhận khi vay tiền có thỏa thuận lãi suất và lãi suất thỏa thuận miệng. Do hai bên có tranh chấp về lãi suất, nên lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể là 0.83%/tháng.

[2.2.1] Chị T yêu cầu anh T trả tiền lãi như sau: Trong số tiền 185.000.000 đồng, thì 85.000.000 đồng phía chị T yêu cầu anh T trả tiền lãi tính từ ngày 22/9/2018 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm (ngày 03/11/2021) là 37 tháng 12 ngày, với mức lãi suất là 0.83%/tháng là có căn cứ chấp nhận, tiền lãi được tính như sau: 85.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 37 tháng 12 ngày = 26.385.500 đồng; đối với 100.000.000 đồng chị T yêu cầu anh T trả tiền lãi tính từ ngày 23/4/2019 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm (ngày 03/11/2021), là 30 tháng 11 ngày, với mức lãi suất 0.83%/tháng là có căn cứ chấp nhận, tiền lãi được tính như sau: 100.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 30 tháng 11 ngày = 25.204.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà chị T yêu cầu anh T trả cho chị T là 51.589.500 đồng.

[2.2.2]. Quá trình giải quyết vụ án chị T thừa nhận anh T có trả cho chị T được 6.000.000 đồng tiền lãi và đồng ý cản trừ cho anh T nên trừ ra anh T có nghĩa vụ trả cho chị T 45.589.500 đồng tiền lãi.

[2.3] Từ những nhận định trên, **Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc anh T có nghĩa vụ trả cho chị T 195.000.000 đồng tiền gốc và 45.589.500 đồng tiền lãi, tổng cộng là 240.589.500 đồng.**

[2.4] Chị T có nhận của anh T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01493 do do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Trần Tuấn T ngày 25/01/2019 (thửa đất số 109, tờ bản đồ số 88, đất tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh

Tây Ninh) nhưng không làm thủ tục đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật. Nay chị T đồng ý trả lại cho anh T nên cần ghi nhận chị T có nghĩa vụ trả cho anh T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

[3.1] Anh T phải chịu 12.029.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Tú T đối với anh Trần Tuấn T về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc anh Trần Tuấn T có nghĩa vụ trả lại cho chị Huỳnh Thị Tú T 195.000.000 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu) đồng tiền gốc và 45.589.500 (bốn mươi lăm triệu năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm) đồng tiền lãi, tổng cộng là 240.589.500 (hai trăm bốn mươi triệu năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án chị Huỳnh Thị Tú T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án anh Trần Tuấn T không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án anh Trần Tuấn T còn phải trả cho người được thi hành án chị Huỳnh Thị Tú T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Chị Huỳnh Thị Tú T có nghĩa vụ trả lại cho anh Trần Tuấn T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01493 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Trần Tuấn T ngày 25/01/2019 (thửa đất số 109, tờ bản đồ số 88, đất tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Tuấn T phải chịu 12.029.000 (mười hai triệu không trăm hai mươi chín nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Huỳnh Thị Tú T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Tú T 5.776.000 (năm triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001784 ngày 15/3/2021 và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0001992 ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5.** Về quyền kháng cáo: Báo cho anh T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Cương**